

Bản án số: 610/2017/DS-ST.

Ngày: 08/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 05 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: phố To, phường T, quận H, TP. Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M

(giấy ủy quyền ngày 11.4.2017).

Bị đơn: Bà Phan Thị H

Địa chỉ: ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 04 năm 2017 và bản tự khai ngày 12/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/4/2014, Ngân hàng V có ký Hợp đồng số 20140416-500001-0186 với bà Phan Thị H để cho vay số tiền 15.750.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích

vay tiêu dùng, phương thức cho vay trả góp, thời hạn vay 36 tháng. Theo thỏa thuận thì bà Phan Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 35.263.000 đồng, mỗi tháng trả 952.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.845.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/6/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng 08 kỳ với số tiền là 10.478.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.813.866, tiền lãi là 8.664.134 đồng. Kể từ ngày 23/12/2015 bà H không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ số tiền nào dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ đến hạn là 20.011.391 đồng, trong đó nợ gốc là 9.115.298 đồng, lãi là 10.896.093 đồng và khoản gốc chưa đến hạn là 4.820.836 đồng. Tổng cộng nợ gốc đến hạn và chưa đến hạn là 13.936.134, nợ lãi từ ngày 01/04/2015 đến ngày 01/12/2016 là 10.896.093 đồng.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, bị đơn bà Phan Thị H trình bày:

Ngày 17/4/2014, bà và Ngân hàng V có ký Hợp đồng số 20140416-500001-0186 để bà vay số tiền 15.750.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, phương thức cho vay trả góp, thời hạn vay 36 tháng. Theo thỏa thuận thì bà có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 35.263.000 đồng, mỗi tháng trả 952.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.845.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/6/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã thanh toán cho Ngân hàng 08 kỳ với số tiền là 10.478.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.813.866, tiền lãi là 8.664.134 đồng. Kể từ ngày 23/12/2015 bà không có khả năng thanh toán nữa. Nay bà đồng ý trả cho Ngân hàng khoản nợ đến hạn là 20.011.391 đồng, trong đó nợ gốc là 9.115.298 đồng, lãi là 10.896.093 đồng và khoản gốc chưa đến hạn là 4.820.836 đồng. Tổng cộng nợ gốc đến hạn và chưa đến hạn là 13.936.134, nợ lãi từ ngày 01/04/2015 đến ngày 01/12/2016 là 10.896.093 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phan Thị H vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của Ngân hàng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng V và bà Phan Thị H là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14

điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền hàng khoản nợ đến hạn là 20.011.391 đồng, trong đó nợ gốc là 9.115.298 đồng, lãi là 10.896.093 đồng và khoản gốc chưa đến hạn là 4.820.836 đồng. Tổng cộng nợ gốc đến hạn và chưa đến hạn là 13.936.134, nợ lãi từ ngày 01/04/2015 đến ngày 01/12/2016 là 10.896.093 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 17/4/2014 giữa Ngân hàng và bà H có ký kết hợp đồng số 20140416-500001-0186 để bà vay số tiền 15.750.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi là 35.263.000 đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng 08 kỳ với số tiền là 10.478.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.813.866, tiền lãi là 8.664.134 đồng nên bà H còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 13.936.134 đồng. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 17/7/2017 của bà H, bà H cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số nợ nêu trên và đồng ý trả cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Đối với số tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/4/2015 đến ngày 01/12/2016 số tiền lãi là 10.896.093 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Xét ý kiến của bà H, tại bản tự khai ngày 17/7/2017, bà đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Do đó, Căn cứ từ nhận định trên, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bà H.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phan Thị H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 24.832.227 đồng, trong đó nợ

gốc là 13.936.134, nợ lãi là 10.896.093 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H chịu 1.241.611 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền 620.806 đồng, theo biên lai thu số 0030694 ngày 03/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng